TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/DS – ST
Ngày: 29 - 5 -2023
"V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Thành Đô và bà Lê Thị Thận

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thế Vinh– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022, về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa:

-*Nguyên đơn*: Ông Lê Văn N, sinh năm 1958 và bà Trần Thị M, sinh năm 1960. Nơi cư trú: thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.(vắng mặt). Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn : Bà Ninh Thị Nguyên H, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Số 1 ấp 9, xã t, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

-*Bị đơn:* Bà Vũ Thị H2, sinh năm 1971 (vắng mặt). Nơi cư trú: thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lâm Văn H1, sinh năm 1968
Nơi cư trú: thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2022, nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Trần Thị M thống nhất trình bày: Ngày 18/9/2018, ông bà có cho bà Vũ Thị H2 vay số tiền 190.000.000 đồng, hẹn trả tiền vào ngày 15/9/2020, có viết giấy vay, bà H2 ký tên. Khi vay bà H2 nói vay để mua bán thịt bò. Đến nay, đã quá hạn trả nợ nhưng bà Vũ Thị H2 vẫn chưa trả tiền cho ông bà. Ông bà đã nhiều lần đến nhà đòi nhưng bà H2 không trả mà còn trốn tránh. Nay ông bà khởi kiện yêu cầu

Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết buộc vợ chồng bà Vũ Thị H2 ông Lâm Văn H1 phải liên đới trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 190.000.000đồng và lãi suất từ khi vay cho đến nay 10%/năm.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Vũ Thị H2 trình bày:* Bà với ông Lâm Văn H1 là vợ chồng. Bà không có quan hệ họ hàng gì với ông N bà M, chỉ quen biết ông N bà M, không có mâu thuẫn gì với ông N bà M. Ngày 18/9/2018, bà có vay ông N bà M số tiền 190.000.000đ, hẹn đến ngày 15/9/2020 sẽ trả, khi vay có thỏa thuận miệng 3%/tháng, bà có viết giấy vay tiền và có ký tên. Mục đích bà vay tiền để mua bán thịt bò, thịt heo để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Giấy vay tiền ngày 18/9/2018 là do bà viết, bà có ký tên trong giấy vay tiền này. Đến nay, bà chưa trả cho ông N bà M số tiền nào. Hiện nay, bà đang rất khó khăn về kinh tế không có khả năng trả một lần số tiền này cho ông N bà M. Hiện nay vợ chồng bà đồng ý trả ông N bà M số tiền 190.000.000đ và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, vợ chồng bà đang khó khăn không có khả năng trả một lần số tiền trên, xin trả dần cho đến khi hết số tiền vay.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Trần Thị M vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H1 vắng mặt tại phiên tòa.

- *Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa:* Về tố tụng: Không có ý kiến gì. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà H2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông N bà M số tiền 190.000.000đ và tiền lãi 10%/năm kể từ ngày vay đến nay. Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Lê Văn N và bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị H2 và ông Lâm Văn H1 có nơi cư trú tại thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền số tiền nợ gốc 190.000.000đ và tiền lãi. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông N bà M yêu cầu bà H2 và ông H1 phải liên đới trả số tiền số tiền nợ gốc 190.000.000đ:

Tại biên bản lời khai bị đơn H2 xác nhận ngày 18/9/2018, bà có vay ông N bà M số tiền 190.000.000đ, hẹn đến ngày 18/9/2018 sẽ trả, khi vay có thỏa thuận miệng 2,5%/tháng, bà có viết giấy vay tiền và có ký tên. Giấy vay tiền ngày

05/3/2018 là do bà viết, bà có ký tên trong giấy vay tiền. Xét thấy, đây là các tình tiết, nội dung đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh.

Đến nay, bị đơn bà H2 thừa nhận chưa trả cho ông N bà M số tiền nào. Bà là vợ ông Lâm Văn H1, vợ chồng bà đồng ý trả ông N bà M số tiền 190.000.000đ và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, vợ chồng bà đang khó khăn không có khả năng trả một lần số tiền trên cho ông N bà M, xin trả dần cho đến khi hết số tiền vay. Xét thấy, bà H2 là người trực tiếp vay tiền ông N bà M nhưng bà H2 xác định mục đích bà vay tiền để mua bán thịt bò, thịt heo để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Bà H2 ông H1 vay tiền ông N bà M, đến hạn trả nợ nhưng bà H2 ông H1 không trả đúng hạn là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Nguyên đơn ông N bà M khởi kiện yêu cầu bà H2 ông H1 phải liên đới trả số tiền nợ gốc 190.000.000đ là có cơ sở cần được chấp nhận. Do đó, cần buộc bị đơn bà H2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông N bà M số tiền nợ gốc 190.000.000đ.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn ông N bà M yêu cầu bị đơn bà H2 ông H1 phải liên đới trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 190.000.000đ với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày vay 18/9/2018 đến nay:

Tại biên bản lời khai phía nguyên đơn ông N bà M và bị đơn bà H2 đều xác định cho rằng khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói. Do đó, xác định trong trường hợp này các bên vay có thỏa thuận lãi suất, căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay…".* Hiện nay, phía nguyên đơn yêu cầu tính theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày vay 18/9/2018 đến nay là phù hợp cần chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: 190.000.000đ x 04 năm 08 tháng 10 ngày x 10%/năm (tức 0,83%/tháng) = 89.191.666đ.

Như vậy, cần buộc bị đơn bà H2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông N bà M số tiền gốc và tiền lãi là 190.000.000đ + 89.191.666đ =279.191.666đ

[3] Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là phù hợp đúng quy định của pháp luật và cùng với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Trần Thị M. Buộc bị đơn bà Vũ Thị H2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Lê Văn N và bà Trần Thị M số tiền gốc và lãi là 279.191.666đ (hai trăm, bảy mươi chín triệu, một trăm, chín mươi mốt nghìn đồng).

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Vũ Thị H2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn H1 phải liên đới nộp 13.959.550đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà